| TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO<br>TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án: 515/2023/DS-PT
Ngày 28 – 07 – 2023
V/v: "Tranh chấp chia thừa kế QSDĐ; yêu cầu buộc tháo dỡ di dời vật kiến trúc; yêu cầu hủy GCNQSDĐ".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Mai Xuân Thành

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 599/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất (QSDĐ); yêu cầu buộc tháo dỡ di dời vật kiến trúc, cây trồng; yêu cầu hủy giấy chứng nhận (GCN) QSDĐ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1718/2023/QĐPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*:

1.1 Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1945 (vắng mặt);

1.2 Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: Tổ 01, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

1.3 Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1955 (có mặt);

Nơi cư trú: Tổ 08, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1955;

Nơi cư trú: Tổ 08, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt);

*2. Bị đơn*:

2.1 Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1942 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ 11, ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Huỳnh Đình T, sinh năm 1991, địa chỉ: tổ 39, ấp Bình Phú 1, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt);

2.2 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950 (đã chết ngày 05/10/2021, giấy chứng tử số 480/TLKT-BS ngày 14/4/2022).

*Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị N:*

2.2.1 Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1942 (vắng mặt);

2.2.2 Ông Nguyễn Trang N1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

2.2.3 Ông Nguyễn Quyền H, sinh năm 1978 (có mặt);

Cùng cư trú: Tổ 11, ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1 Em Phạm Thị Anh T1, sinh năm 2007;

Người đại diện theo pháp luật của em Phạm Thị Anh T1: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 01, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt);

3.2 Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

*4. Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn L.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2019, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/5/2020 và đơn ngày 12/4/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày*:

Cha mẹ là ông Nguyễn Văn C (sinh năm 1923, chết năm 1996) và bà Trịnh Thị Đ (sinh năm 1922, chết năm 2010) sống và lập nghiệp ở ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Cha, mẹ sinh ra các người con như sau:

1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1945.

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1942.

3. Bà Nguyễn Thị L (chết ngày 02/11/2018 không có chồng, có 01 con nuôi tên Phạm Thị Anh T1, sinh năm 2007).

4. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1955.

5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964.

6. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm, 1961 (chết năm 1977, không có con, vợ đã có chồng khác và cắt đứt quan hệ với gia đình từ lâu).

Lúc còn sống, cha mẹ có tạo được diện tích đất ngang độ 78m x dài 36m = 2.808m$^2$ tọa lạc tại ấp V, xã C, Châu Thành, An Giang. Năm 2000, mẹ chúng tôi có chiết bán ngang 10m x dài 36m = 360m$^2$ còn lại là 2.448m$^2$. Trong diện tích đất còn lại ông L đã chiếm dụng 1.039,9m$^2$ đã được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH10226 ngày 25/7/2018 của UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N đứng tên (GCNQSDĐ số CH10226). Trong 1.039,9m$^2$ đất này ông L đã tự bao chiếm luôn phần đất nền mộ của gia tộc. Ông L đã xây hàng rào vào năm 2016, cặp lộ nhựa, không chừa lối đi vào khu đất mộ. Hằng năm vào dịp lễ tết, thanh minh ông L cũng không cho ai ra vào viếng, cúng bái, sửa sang khu mộ.

Trong khi đó ông L đã xây 1 lò sấy lúa trước khu mộ, xây hàng rào, chắn ngang không có lối đi vào khu mộ. Chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu ông mở lối đi nhưng ông không thực hiện. Ông đã chăn nuôi, trồng cây lâu năm trong đất mộ gây bức xúc trong anh em. Phần còn lại 3 người đang sử dụng là Phùng, Liễu, Hồng với tổng diện tích độ khoảng 1.100m$^2$ nhưng không đi sang được khu mộ, chúng tôi cũng đã yêu cầu ông L mở lối đi vào khu mộ cho con cháu, anh chị em được tự do vào viếng mộ nhưng ông không đồng ý.

Ngày 8/5/2018, nguyên đơn có gởi đơn đến Ban ấp V, xã C hòa giải, nhưng không thành và đã chuyển hồ sơ lên Ủy ban nhân dân (UBND) xã C hòa giải cũng không thành. Ngày 20/9/2018, thông qua phiên hòa giải, mới biết ông L có giấy chứng nhận QSDĐ.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Hủy Giấy CNQSDĐ số CH10226 cấp ngày 25/7/2018 của UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N đứng tên, diện tích 1.039,9m$^2$.

2/ Chia thừa kế theo pháp luật phần đất của cha mẹ để lại diện tích: 2.141,7m$^2$ (theo kết quả đo đạc thực tế của Công ty đo đạc Hưng Phú ngày 22/7/2022) thành 5 phần bằng nhau sau khi chừa lại khu mộ diện tích 319,9m$^2$ (ngang mặt lộ khoảng 6,5m chạy thằng ra hết đất mặt hậu). Chúng tôi thống nhất giao cho Nguyễn Văn H đứng tên, quản lý, giữ gìn khu mộ. Ông Nguyễn Văn L phải tháo dỡ lò sấy, hàng rào, cây trồng, trại chăn nuôi trên khu đất mộ.

Các tài liệu chứng cứ gửi kèm theo đơn;

- Giấy chứng tử của Nguyễn Văn C;
- Giấy chứng tử của Trịnh Thị Đ;
- Trích lục khai tử Nguyễn Thị L;
- Giấy chứng tử Nguyễn Văn B,
- Trích lục khai sanh Phạm Thị Anh T1
- Trích lục đăng ký giấy giám hộ Phạm Thị Anh T1.
- Tờ cam kết không bỏ các người thừa kế trong hàng thừa kế thứ nhất.
- Sơ đồ khu đất.

*Quá trình Toà án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền lợi bị đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1923 – chết năm 1996, vợ là bà Trịnh Thị Đ, sinh năm 1922 – chết năm 2010, có 5 người con như nguyên đơn trình bày. Ông C và bà Đ có một thửa đất tọa lạc tại ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang, diện tích khoảng 2600m$^2$. Năm 1991, bà K được cha mẹ cho phần đất ở rìa phía Đông, diện tích khoảng 500m$^2$. Năm 1993, bà K bán cho Nguyễn Văn L phần đất được cho. Năm 1996, Ông C chết, ông L, ông Phùng, ông H cùng gia đình thỏa thuận phân chia đất. Ngày 25/7/2018, ông Nguyễn Văn L được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ với diện tích 1039,9m$^2$, gồm phần đất mua của bà K và phần đất được chia theo thỏa thuận. Diện tích đất đã sử dụng ổn định, nguyên đơn khai rằng không có đường vào khu mộ hoặc ngăn cản vào mộ là không đúng. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý và yêu cầu được giải quyết:

a/ Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

b/ Đối với đất có chuồng trại không đồng ý tháo dỡ vì đây là công trình tọa lạc trên đất của nhà nước, bị đơn cất tạm để chăn nuôi, khi nào nhà nước yêu cầu thì sẽ tháo dỡ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện C tại Công văn số 566/UBND-NC ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Công văn số 2977/UBND-NC ngày 29/11/2021 trình bày:*

Xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử đối với vụ án dân sự số 119/2020 TLST-DS do Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý.

Căn cứ vào hồ sơ lưu trữ tại Văn phòng Đăng ký đất đai - chi nhánh Châu Thành cung cấp, UBND huyện C có ý kiến như sau:

Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH10226, cấp ngày 25/7/2018; tờ bản đồ số 54; thửa đất số 43 với tổng diện tích 1039,9 m$^2$; loại đất CLN; khu đất tọa lạc tại xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

Căn cứ Điều 16 về thủ tục cấp GCNQSDĐ của Quyết định số 45/201V/QĐ-UBND ngày 30/09/2011 của UBND tỉnh An Giang về ban hành quy định về đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong quản lý quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

Căn cứ Điều 98, Luật đất đai 2013 quy định nguyên tắc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Từ những căn cứ trên thì việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N đã được UBND huyện C thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Về nội dung tranh chấp giữa các bên, UBND huyện C không có ý kiến.

Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 22/7/2022 do Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Đo đạc nhà đất Hưng Phú thực hiện, xác định các điểm 69, 101, 102, 103 là ranh đất thuộc GCNQSDĐ số CH10226 ngày 25/7/2018 do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N, thửa số 43, tờ bản đồ số 54, diện tích 1039,9m$^2$, loại đất CLN. Trong đó, theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang tại Văn bản số 662/TA-DS ngày 18/7/2022 vẽ bổ sung các điểm 69, 69', 103', 103 có diện tích 319,3m$^2$ dùng làm khu mồ mả cho gia tộc. Các điểm 69', 101, 102, 103' có diện tích 720,6m$^2$ gồm nhà, đất của ông L (diện tích của ông L, bà N giảm từ 1039,9m$^2$ còn lại là 720,6m$^2$).

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:*

*Căn cứ vào:*

- Khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 138, Điều 140, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

- Điểm a Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có diện tích 306,3 m$^2$.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn H yêu cầu được chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật của cụ Nguyễn Văn C, chết năm 1996 và cụ Trịnh Thị Đ, chết năm 2010.

2. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn C và cụ Trịnh Thị Đ có 05 người con gồm:

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1945.

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1942.

Bà Nguyễn Thị L (chết ngày 02/11/2018 không có chồng, có 01 con nuôi tên Phạm Thị Anh T1, sinh năm 2007 do ông H làm giám hộ).

Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1955.

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964.

3. Di sản của cụ C và cụ Đ được chia thừa kế theo pháp luật gồm có: diện tích 2.141,7m$^2$ tọa lạc tại ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. Phân chia như sau:

+ Xác định phần đất nền mộ có diện tích 319,3m$^2$ tại các điểm 69, 69$^{'}$, 103', 103 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 22/7/2022 cho những người thừa kế của Ông C, bà Đ quản lý, sử dụng gồm có: Bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn H và cháu Phạm Thị Anh T1.

+ Ông Nguyễn Văn L được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 720,6m$^2$ giới hạn tại các điểm *69', 101, 102, 103'* theo Bản trích đo hiện trạng khu đất của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 22/7/2022.

+ Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn H thống nhất cho ông H được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 1.101,8m$^2$ giới hạn tại các điểm *103, 106, 124, 105, 109, 69* theo Bản trích đo hiện trạng khu đất của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 22/7/2022.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn H giao giá trị 8m$^2$ đất tương đương số tiền là 1.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn L.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P, hủy giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH10226 tờ bản đồ số 54; thửa đất số 43; diện tích 1039,9 m$^2$; loại đất CLN do UBND huyện C cấp ngày 25/7/2018 cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị N đứng tên.

- Ông Nguyễn Văn L và kế thừa quyền nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị N là ông Nguyễn Trang N1, ông Nguyễn Quyền H có trách nhiệm tháo dỡ, di dời lò sấy lúa, hàng rào, chuồng trại và cây trồng ra khỏi phần đất mồ mả và phần đất ông H được chia. Vật kiến trúc, cây trồng thể hiện vị trí trong sơ đồ hiện trạng khu đất. Cụ thể như sau:

- Lò sấy lúa diện tích 62,6m$^2$ tại các điểm 11, 45, 65, 44.

- Hàng rào là đoạn được nối bởi các điểm: 1 và 1'.

- Chuồng trại diện tích 17,8m$^2$ tại các điểm 74, 75, 116.115.

- Các loại cây trồng trên diện tích 319,3m$^2$.

Theo Bản trích đo hiện trạng khu đất của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 22/7/2022.

Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn P liên đới với bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn H hỗ trợ chi phí di dời cho ông Nguyễn Văn L số tiền là 13.155.000 đồng.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

*Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.*

Ngày 10/10/2022, bị đơn Nguyễn Văn L kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn ông Nguyễn Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng, về tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng; về nội dung nhận định của sơ thẩm là chưa đủ cơ sở, không thỏa đáng, không bảo đảm các căn cứ pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Một là, bác yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn P đối với di sản thừa kế 2.141,7m$^2$ đất; Hai là, bác yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH10226 tờ bản đồ số 54 thửa đất số 43 diện tích 1039,9m$^2$ loại đất CLN do UBND huyện C cấp ngày 25/7/2018 cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị N; Ba là, bác yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn L tháo dỡ lò sấy, hàng rào, trại chăn nuôi, cây trồng trên phần đất 1039,9 m$^2$ đã được cấp GCNQSDĐ thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Nguyễn Văn L; Bốn là, công nhận quyền sử dụng hợp pháp của tôi đối với diện tích 1039,9 m$^2$ đất CLN được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH10226 tờ bản đồ số 54 thửa đất số 43 ngày 25/7/2018 cho ông Nguyễn Văn L-bà Nguyễn Thị N2; Năm là, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về sử dụng chung phần diện tích mồ mã gia tộc khoảng 80m$^2$. Đối với phần đất có mồ mả gia tộc khoảng 80m$^2$ này, tuy ông L bà N được cấp giấy nhưng các anh chị em có quyền sử dụng ngang nhau trong việc cúng bái, thắp hương cho ông bà, cha mẹ trong khu mộ.

Các nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn H cho rằng lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ, không đúng pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tòa sơ thẩm xác định diện tích 2141,7m$^2$ đất tọa lạc tại ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang là di sản thừa kế do cha mẹ của nguyên đơn và bị đơn để lại nên chia nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 2141,7m$^2$ do cha mẹ để lại. Đồng thời yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn L phải tháo dỡ di dời chiều dài hàng rào, tháo dỡ một phần lò sấy, tháo dỡ chuồng trại và cây trồng giao trả diện tích đất làm khu mồ mả gia tộc. Đồng thời yêu cầu hủy GCNQSDĐ đứng tên ông Nguyễn Văn L nên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"*Tranh chấp chia thừa kế QSDĐ; yêu cầu tháo dỡ, di dời vật kiến trúc, cây trồng; yêu cầu hủy GCNQSDĐ" còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 31, Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn P rút lại yêu cầu chia thừa kế QSDĐ 306,3m$^2$ là diện tích đất mồ mả nên Tòa sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là đúng quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt của những người tham gia phiên tòa:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện C yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn xác định hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn C, (chết năm 1996) và cụ Trịnh Thị Đ, (chết năm 2010) gồm có:

1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1945.

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1942.

3. Bà Nguyễn Thị L (chết ngày 02/11/2018 không có chồng, có 01 con nuôi tên Thư, sinh năm 2007 do ông H là người giám hộ).

4. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1955.

5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964.

Và thống nhất xác định diện tích 2.141,7m$^2$, tọa lạc tại tổ 11, ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang là tài sản của ông Nguyễn Văn C (sinh năm 1923, chết

năm 1996) và bà Trịnh Thị Đ (sinh năm 1922, chết năm 2010). Trước khi chết cụ C và cụ Đ không để lại di chúc. Hiện do các con là ông L, ông H quản lý, sử dụng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì xác định diện tích đất do cha mẹ để lại là 2.808m$^2$, còn bị đơn ông Nguyễn Văn L thì xác định diện tích khoảng 2.600m$^2$. Tuy nhiên các đương sự đều thừa nhận sau khi cha mẹ chết anh chị em trong gia đình đã phân chia đất thành 05 phần bằng nhau, có chừa lại khoảng 300m$^2$ đất làm khu mồ mả. Sau đó bà Nguyễn Thị K đã chuyển nhượng phần đất của mình cho ông Nguyễn Văn L. Lời thừa nhận của các đương sự là các tình tiết, sự kiện không cần chứng minh và được coi là chứng cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa sơ thẩm đã tiến hành đo đạc lại toàn bộ diện tích đất có tranh chấp để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo Bản trích đo hiện trạng ngày 22/7/2022 thì tổng diện tích khu đất tranh chấp là 2.141,7m$^2$ (bao gồm diện tích đất 1039,9m$^2$ thuộc GCNQSDĐ của ông L, bà N). Sau khi trừ đi phần diện tích khu mộ 319,3m$^2$ tại các điểm 69, 69', 103, 103' thì diện tích còn lại là: 1.822,4m$^2$. Theo lời thừa nhận của các đương sự thì phần diện tích đất còn lại sau khi trừ đi phần diện tích đất làm khu mồ mả được chia đều cho 05 người, mỗi người sẽ được hưởng là 364,4m$^2$. Do ông Nguyễn Văn L nhận chuyển nhượng phần đất của bà Nguyễn Thị K nên diện tích đất của ông L sẽ là 364,4m$^2$ x 2 = 728,8m$^2$. Tuy nhiên năm 2018 ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị N được cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH10226 tờ bản đồ số 54; thừa đất số 43; diện tích 1039,9 m$^2$ trong đó bao gồm cả phần diện tích đất có mồ mả.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia lại di sản thừa kế và hủy GCNQSDĐ cấp cho ông Nguyễn Văn L là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn L kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào mới, do đó đơn kháng cáo của bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên xét thấy ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1942 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được Hội đồng xét xử miễn tiền án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

*Căn cứ vào:*

- Khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 138, Điều 140, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

- Điểm a Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có diện tích 306,3 $m^2$.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn H yêu cầu được chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật của cụ Nguyễn Văn C, chết năm 1996 và cụ Trịnh Thị Đ, chết năm 2010.

2. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn C và cụ Trịnh Thị Đ có 05 người con gồm:

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1945.

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1942.

Bà Nguyễn Thị L (chết ngày 02/11/2018 không có chồng, có 01 con nuôi tên Phạm Thị Anh T1, sinh năm 2007 do ông H làm giám hộ).

Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1955.

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964.

3. Di sản của cụ C và cụ Đ được chia thừa kế theo pháp luật gồm có: diện tích 2.141,7$m^2$ tọa lạc tại ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. Phân chia như sau:

+ Xác định phần đất nền mộ có diện tích 319,3$m^2$ tại các điểm 69, 69', 103', 103 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 22/7/2022 cho những người thừa kế của Ông C, bà Đ quản lý, sử dụng gồm có: Bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn H và cháu Phạm Thị Anh T1.

+ Ông Nguyễn Văn L được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 720,6$m^2$ giới hạn tại các điểm *69', 101, 102, 103'* theo Bản trích đo hiện trạng khu đất của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 22/7/2022.

+ Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn H thống nhất cho ông H được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 1.101,8m$^2$ giới hạn tại các điểm *103, 106, 124, 105, 109, 69* theo Bản trích đo hiện trạng khu đất của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 22/7/2022.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn H giao giá trị 8m$^2$ đất tương đương số tiền là 1.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn L.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn H.

Hủy giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH10226 tờ bản đồ số 54; thửa đất số 43; diện tích 1039,9 m$^2$; loại đất CLN do UBND huyện C cấp ngày 25/7/2018 cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị N đứng tên.

- Ông Nguyễn Văn L và kế thừa quyền nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị N là ông Nguyễn Trang N1, ông Nguyễn Quyền H có trách nhiệm tháo dỡ, di dời lò sấy lúa, hàng rào, chuồng trại và cây trồng ra khỏi phần đất mồ mả và phần đất ông H được chia. Vật kiến trúc, cây trồng thể hiện vị trí trong sơ đồ hiện trạng khu đất. Cụ thể như sau:

- Lò sấy lúa diện tích 62,6m$^2$ tại các điểm 11, 45, 65, 44.

- Hàng rào là đoạn được nối bởi các điểm: 1 và 1'.

- Chuồng trại diện tích 17,8m$^2$ tại các điểm 74, 75, 116.115.

- Các loại cây trồng trên diện tích 319,3m$^2$.

Theo Bản trích đo hiện trạng khu đất của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 22/7/2022.

Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn P liên đới với bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn H hỗ trợ chi phí di dời cho ông Nguyễn Văn L số tiền là 13.155.000 đồng.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật*

*thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

[2] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L không phải chịu.

[4] Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự (8);
- Lưu HS (2), VP (6), (T21). BA36

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Long**